

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ thực hiện Đề án
nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 25/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040 và các văn bản phê duyệt quy hoạch chung, phân loại đô thị Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đạt mục tiêu đô thị hóa 40% trở lên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 201/TTr-SNV ngày 06/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ thực hiện Đề án nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa, với các nội dung cụ thể sau:

1. Đề cương nhiệm vụ

1.1. Tên đề án: Đề án nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi lập đề án: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thành

phố Thanh Hóa và huyện Đông Sơn; có diện tích tự nhiên 228,32 km², dân số 445.163 người, 48 đơn vị hành chính cấp xã (30 phường, 01 thị trấn, 17 xã).

1.3. Thời gian, tiến độ thực hiện: Từ ngày 01/4/2022 - 01/4/2023 (12 tháng) theo Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa.

1.4. Nhiệm vụ:

a) Khảo sát, đánh giá hiện trạng theo các điều kiện, tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị (thành phố và phường); thu thập, tổng hợp số liệu, tài liệu, báo cáo; đề xuất phương án nhập, thành lập đơn vị hành chính; xây dựng đề án.

b) Xây dựng các báo cáo đánh giá tác động; định hướng phát triển thành phố Thanh Hóa; các giải pháp tổ chức thực hiện (tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, chế độ chính sách hỗ trợ; sử dụng công sở, cơ sở vật chất; chuyển đổi giấy tờ cá nhân, tổ chức...).

c) Hoàn chỉnh hồ sơ, đề án, thực hiện trình tự, thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét thông qua theo quy định của pháp luật.

1.5. Đề cương, bộ cục đề án: Theo Phụ lục kèm theo.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Sở Nội vụ là chủ đầu tư, tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập đề án; phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa, Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo nhiệm vụ đã được phê duyệt, đảm bảo thời gian, lộ trình đã đề ra.

2.2. Sở Tài chính dự toán kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện, tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTr Thành ủy, HĐND thành phố Thanh Hóa;
- TTr Huyện ủy, HĐND huyện Đông Sơn;
- Lưu: VT, THKH.

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục: ĐỀ CƯƠNG, BỐ CỤC ĐỀ ÁN
Nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa thuộc tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
2. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;
3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.
4. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC;
5. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị;
6. Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 25/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040 và các văn bản phê duyệt quy hoạch chung, phân loại đô thị Thanh Hóa;
7. Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;
8. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
9. Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh về phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đạt mục tiêu đô thị hóa 40% trở lên;
10. Các văn bản khác của trung ương và tỉnh có liên quan.

II. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

Phần thứ hai
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN
CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH
TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ THANH HÓA

1. Lịch sử hình thành

2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1. Địa giới hành chính và đơn vị hành chính trực thuộc.

2.2. Điều kiện tự nhiên.

2.2.1. Địa hình.

2.2.2. Khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên.

2.2.3. Khí hậu.

2.2.4. Thủy văn.

3. Vị trí, vai trò, chức năng

4. Diện tích tự nhiên, dân số

4.1. Diện tích tự nhiên và cơ cấu đất đai.

4.2. Dân số và lao động.

5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tốc độ tăng giá trị sản xuất, cơ cấu các ngành kinh tế, tổng giá trị sản xuất, thu - chi ngân sách, thu nhập bình quân đầu người...

5.1.1. Công nghiệp - xây dựng.

5.1.2. Dịch vụ - thương mại.

5.1.3. Nông nghiệp.

5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội.

5.2.1. Văn hóa, thể dục thể thao.

5.2.2. Giáo dục - đào tạo.

5.2.3. Lao động, việc làm, an sinh xã hội.

5.2.4. Y tế.

6. Cơ sở hạ tầng và công tác phát triển đô thị

- 6.1. Nhà ở.
- 6.2. Công trình văn hóa - thể thao.
- 6.3. Hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy (nếu có).
- 6.4. Hệ thống điện (cấp điện và truyền tải điện).
- 6.5. Hệ thống cấp nước - thoát nước, xử lý nước thải.
- 6.6. Hệ thống viễn thông.
- 6.7. Vệ sinh môi trường.
- 6.8. Công tác phát triển đô thị.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

- 7.1. Quốc phòng.
- 7.2. An ninh, trật tự an toàn xã hội.

8. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, công chức

- 8.1. Thành ủy, Mặt trận và Đoàn thể chính trị xã hội.

8.1.1. Thành ủy:

- Thường trực Thành ủy;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Ban Chấp hành Thành ủy.

8.1.2. Các Ban xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng Thành ủy và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố (số lượng cấp trưởng, cấp phó; số cán bộ, công chức, viên chức... đang bố trí của từng cơ quan, đơn vị).

8.1.3. Ủy ban MTTQ thành phố (số lượng, cơ cấu tổ chức Ban Thường trực, các tổ chức thành viên của Mặt trận; số cán bộ, công chức đang bố trí).

8.1.4. Đoàn thể chính trị - xã hội thành phố (số lượng, cơ cấu tổ chức Ban Thường vụ, Ban Chấp hành; số cán bộ, công chức đang bố trí của từng tổ chức).

8.2. Chính quyền địa phương thành phố.

8.2.1. Hội đồng nhân dân thành phố:

- Số lượng đại biểu;
- Cơ cấu, tổ chức Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân.

8.2.2. Ủy ban nhân dân thành phố:

- Số lượng thành viên;
- Cơ cấu, tổ chức Ủy ban nhân dân.

8.3. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (tên tổ chức, số lượng cấp trưởng, cấp phó; số cán bộ, công chức, viên chức... hiện đang bố trí):

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân (Ban Giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư, Ban Quản lý dự án, Trung tâm phát triển quỹ đất, Đội Kiểm tra quy tắc, Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể dục thể thao, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp...).

8.4. Cơ quan thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn (tên tổ chức, số lượng cấp trưởng, cấp phó; số cán bộ, công chức, viên chức... hiện đang bố trí):

- Công an thành phố;
- Ban Chỉ huy quân sự thành phố;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố;
- Tòa án nhân dân thành phố;
- Chi cục Thuế thành phố;
- Kho bạc thành phố;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố;
- Chi cục Thống kê thành phố;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố;
- Bệnh viện Đa khoa thành phố thành phố;
- Trung tâm Y tế thành phố thành phố.

8.5. Các tổ chức hội đặc thù ở thành phố.

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN ĐÔNG SƠN

1. Lịch sử hình thành

2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1. Địa giới hành chính và đơn vị hành chính trực thuộc.

2.2. Điều kiện tự nhiên.

2.2.1. Địa hình.

2.2.2. Khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên.

2.2.3. Khí hậu.

2.2.4. Thủy văn.

3. Vị trí, vai trò, chức năng

4. Diện tích tự nhiên, dân số

4.1. Diện tích tự nhiên và cơ cấu đất đai.

4.2. Dân số và lao động.

5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tốc độ tăng giá trị sản xuất, cơ cấu các ngành kinh tế, tổng giá trị sản xuất, thu - chi ngân sách, thu nhập bình quân đầu người....

5.1.1. Công nghiệp - xây dựng.

5.1.1. Dịch vụ - thương mại.

5.1.3. Nông nghiệp.

5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội.

5.2.1. Văn hóa, thể dục thể thao.

5.2.2. Giáo dục - đào tạo.

5.2.3. Lao động, việc làm, an sinh xã hội.

5.2.4. Y tế.

6. Cơ sở hạ tầng và công tác phát triển đô thị

6.1. Nhà ở.

6.2. Công trình văn hóa - thể thao.

6.3. Hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy (nếu có).

6.4. Hệ thống điện (cấp điện và truyền tải điện).

6.5. Hệ thống cấp nước - thoát nước, xử lý nước thải.

6.6. Hệ thống viễn thông.

6.7. Vệ sinh môi trường.

6.8. Công tác phát triển đô thị.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

7.1. Quốc phòng.

7.2. An ninh, trật tự an toàn xã hội.

8. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, công chức

8.1. Huyện ủy, Mặt trận và Đoàn thể chính trị xã hội.

8.1.1. Huyện ủy:

- Thường trực Huyện ủy;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Ban Chấp hành Huyện ủy.

8.1.2. Các Ban xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng Huyện ủy và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện (số lượng cấp trưởng, cấp phó; số cán bộ, công chức, viên chức... đang bố trí của từng cơ quan, đơn vị):

8.1.3. Ủy ban MTTQ huyện (số lượng, cơ cấu tổ chức Ban Thường trực, các tổ chức thành viên của Mặt trận; số cán bộ, công chức đang bố trí).

8.1.4. Đoàn thể chính trị - xã hội huyện (số lượng, cơ cấu tổ chức Ban Thường vụ, Ban Chấp hành; số cán bộ, công chức đang bố trí của từng tổ chức).

8.2. Chính quyền địa phương huyện.

8.2.1. Hội đồng nhân dân huyện:

- Số lượng đại biểu;
- Cơ cấu, tổ chức Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân.

8.2.2. Ủy ban nhân dân huyện:

- Số lượng thành viên;
- Cơ cấu, tổ chức Ủy ban nhân dân.

8.3. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện (tên tổ chức, số lượng cấp trưởng, cấp phó; số cán bộ, công chức, viên chức... hiện đang bố trí):

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân (Ban Quản lý dự án, Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể dục thể thao, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp...).

8.4. Cơ quan thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn (tên tổ chức, số lượng cấp trưởng, cấp phó; số cán bộ, công chức, viên chức... hiện đang bố trí):

- Công an huyện;

- Ban Chỉ huy quân sự huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Chi cục Thuế huyện;
- Kho bạc huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Chi cục Thống kê huyện;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện;
- Bệnh viện Đa khoa huyện;
- Trung tâm Y tế huyện.

8.5. Các tổ chức hội đặc thù ở huyện.

III. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC XÃ, THỊ TRẤN THÀNH LẬP PHƯỜNG

1. Đơn vị hành chính cấp xã (gồm thị trấn Rừng Thông và các xã: Đông Tiến, Đông Khê, Đông Thịnh, Đông Vãn)

- 1.1. Lịch sử hình thành.
- 1.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.
 - 1.2.1. Địa giới hành chính, số thôn, tổ dân phố.
 - 1.2.2. Điều kiện tự nhiên:
 - Địa hình;
 - Khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên;
 - Khí hậu;
 - Thủy văn.
- 1.3. Vị trí, vai trò, chức năng.
- 1.4. Diện tích tự nhiên, dân số.
 - 1.4.1. Diện tích tự nhiên và cơ cấu đất đai.
 - 1.4.2. Dân số và lao động.
- 1.4. Diện tích tự nhiên, dân số.
- 1.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

1.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tốc độ tăng giá trị sản xuất, cơ cấu các ngành kinh tế, tổng giá trị sản xuất, thu - chi ngân sách, thu nhập bình quân đầu người....

- Công nghiệp - xây dựng;
- Dịch vụ - thương mại;
- Nông nghiệp.

1.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội.

- Văn hóa, thể dục thể thao;
- Giáo dục - đào tạo;
- Lao động, việc làm, an sinh xã hội;
- Y tế.

1.6. Hệ thống cơ sở hạ tầng.

1.6.1. Nhà ở.

1.6.2. Công trình văn hóa - thể thao.

1.6.3. Hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy (nếu có).

1.6.4. Hệ thống điện (cấp điện, truyền tải điện).

1.6.5. Hệ thống cấp nước - thoát nước, xử lý nước thải.

1.6.6. Hệ thống viễn thông.

1.6.7. Vệ sinh môi trường.

1.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

1.7.1. Quốc phòng.

1.7.2. An ninh, trật tự an toàn xã hội.

1.8. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, công chức

1.8.1. Đảng ủy, Mặt trận và Đoàn thể chính trị xã hội:

- Đảng ủy xã (Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng ủy).

- Ủy ban MTTQ xã (số lượng, cơ cấu tổ chức Ban Thường trực, các tổ chức thành viên của Mặt trận) và Đoàn thể chính trị - xã hội ở xã (số lượng, cơ cấu tổ chức Ban Thường vụ, Ban Chấp hành của từng tổ chức).

1.8.2. Chính quyền địa phương xã:

- Hội đồng nhân dân xã (số đại biểu, cơ cấu, tổ chức Hội đồng nhân dân);
- Ủy ban nhân dân xã (số thành viên, cơ cấu, tổ chức Ủy ban nhân dân).

1.8.3. Đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách:

- Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức xã;
- Số lượng người hoạt động không chuyên trách xã.

III. ĐÁNH GIÁ THÀNH PHỐ THANH HÓA VÀ HUYỆN ĐÔNG SƠN THEO ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CỦA THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH; CÁC XÃ, THỊ TRẤN THEO TIÊU CHUẨN CỦA PHƯỜNG

1. Đánh giá theo 04 điều kiện nhập, thành lập đơn vị hành chính quy định tại Khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương

1.1. Sự phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị được phê duyệt.

1.2. Bảo đảm lợi ích chung, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy tiềm năng, lợi thế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

1.3. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

1.4. Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương; tạo sự thuận tiện cho Nhân dân.

2. Đánh giá hiện trạng thành phố Thanh Hóa và huyện Đông Sơn theo 05 tiêu chuẩn của thành phố thuộc tỉnh quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2.1. Quy mô dân số từ 150.000 người.

2.2. Diện tích tự nhiên từ 150 km².

2.3. Đơn vị hành chính trực thuộc:

- Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc có từ 10 đơn vị;
- Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 65%.

2.4. Đã được công nhận là đô thị loại I theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đạt 05 tiêu chí gồm:

- Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu; trình độ phát triển kinh tế - xã hội;
- Quy mô dân số toàn đô thị và khu vực nội thành;
- Mật độ dân số toàn đô thị đạt và khu vực nội thành;
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị và khu vực nội thành;

- Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị.

2.5. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Đánh giá hiện trạng thị trấn Rừng Thông và các xã: Đông Tiến, Đông Khê, Đông Thịnh, Đông Văn theo 04 tiêu chuẩn thành lập phường tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

3.1. Quy mô dân số từ 7.000 người.

3.2. Diện tích tự nhiên từ 5,5 km².

3.3. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3.4. Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN NHẬP HUYỆN ĐÔNG SƠN
VÀO THÀNH PHỐ THANH HÓA

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

1. Hiện trạng tỉnh Thanh Hóa

- Diện tích tự nhiên (km²);
- Dân số (người);
- Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;
- Địa giới hành chính.

2. Hiện trạng thành phố Thanh Hóa

- Diện tích tự nhiên (km²);
- Dân số (người);
- Số lượng đơn vị hành chính cấp xã;
- Địa giới hành chính.

3. Hiện trạng huyện Đông Sơn

- Diện tích tự nhiên (km²);
- Dân số (người);
- Số lượng đơn vị hành chính cấp xã;
- Địa giới hành chính.

4. Hiện trạng thị trấn Rừng Thông và các xã: Đông Tiến, Đông Khê, Đông Thịnh, Đông Văn (các xã, thị trấn dự kiến thành lập phường)

- Diện tích tự nhiên (km²);
- Dân số (người);
- Địa giới hành chính.

II. PHƯƠNG ÁN NHẬP HUYỆN ĐÔNG SƠN VÀO TP THANH HÓA

1. Phương án nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa.
2. Phương án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa.
3. Tên gọi của thành phố (sau khi nhập huyện Đông Sơn).

III. SAU KHI NHẬP HUYỆN ĐÔNG SƠN VÀO THÀNH PHỐ THANH HÓA

1. Thành phố Thanh Hóa

- Diện tích tự nhiên (km²);
- Dân số (người);
- Số lượng đơn vị hành chính cấp xã;
- Địa giới hành chính.

2. Các phường thành lập mới thuộc thành phố Thanh Hóa

- Diện tích tự nhiên (km²);
- Dân số (người);
- Địa giới hành chính.

3. Tỉnh Thanh Hóa

- Diện tích tự nhiên (km²);
- Dân số (người);
- Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện (giảm 01 đơn vị) và cấp xã;
- Địa giới hành chính.

Phần thứ tư
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
VÀ CÁC GIẢI PHÁP SAU KHI NHẬP HUYỆN ĐÔNG SƠN
VÀO THÀNH PHỐ THANH HÓA

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Tác động về quản lý nhà nước.
2. Tác động về kinh tế.
3. Tác động về văn hóa - xã hội.
4. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội.
5. Tác động về sản xuất, kinh doanh và cuộc sống của nhân dân.
6. Tác động về thủ tục hành chính.
7. Tác động về thực hiện các chính sách đặc thù (nếu có).
8. Những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI

1. Định hướng phát triển thành phố Thanh Hóa

1.1. Định hướng chung và một số chỉ tiêu chủ yếu.

1.1.1. Các chỉ tiêu chính về kinh tế - xã hội.

1.1.2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị.

1.2. Định hướng phát triển và các giải pháp thực hiện; nhu cầu và khả năng huy động vốn đầu tư cho phát triển.

1.2.1. Định hướng phát triển và giải pháp thực hiện.

1.2.1.1. Phát triển kinh tế:

- Công nghiệp - xây dựng;
- Thương mại - dịch vụ và du lịch;
- Nông nghiệp.

1.2.1.2. Phát triển văn hóa - xã hội:

- Văn hóa, thể dục thể thao;
- Giáo dục - đào tạo, y tế;
- Lao động, việc làm, an sinh xã hội.

1.2.1.3. Quy hoạch, phát triển đô thị; kiến trúc, cảnh quan, môi trường.

1.2.1.4. Đảm bảo quốc phòng, an ninh.

1.2.2. Nhu cầu và khả năng huy động vốn đầu tư cho phát triển.

1.2.2.1. Nhu cầu vốn.

1.2.2.2. Nguồn vốn.

1.2.2.3. Giải pháp về nguồn vốn.

1.2.2.4. Định hướng sử dụng nguồn vốn.

2. Định hướng phát triển các phường mời thành lập

2.1. Định hướng chung và một số chỉ tiêu chủ yếu.

2.2. Định hướng phát triển và các giải pháp thực hiện; nhu cầu và khả năng huy động vốn đầu tư cho phát triển.

III. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG TRƯỜNG HỢP DÔI DƯ DO SÁP NHẬP

Đề xuất giải pháp kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy; bố trí số lượng cán bộ lãnh đạo, cấp phó; cán bộ, công chức, viên chức; giải quyết dôi dư....

1. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị thành phố Thanh Hóa

1.1. Thành ủy, Mặt trận và Đoàn thể chính trị xã hội.

1.1.1. Thành ủy:

- Thường trực Thành ủy;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Ban Chấp hành Thành ủy.

1.1.2. Các Ban xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng Thành ủy và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố

1.1.3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố.

1.1.4. Đoàn thể chính trị - xã hội thành phố.

1.2. Chính quyền địa phương thành phố.

1.2.1. Hội đồng nhân dân thành phố:

- Số lượng đại biểu;
- Cơ cấu, tổ chức Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân.

1.2.2. Ủy ban nhân dân thành phố:

- Số lượng thành viên;
- Cơ cấu, tổ chức Ủy ban nhân dân.

1.3. Cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân.

1.4. Cơ quan thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố sau sáp nhập:

- Công an thành phố;
 - Ban Chỉ huy quân sự thành phố;
 - Viện Kiểm sát nhân dân thành phố;
 - Tòa án nhân dân thành phố;
 - Chi cục Thuế thành phố;
 - Kho bạc thành phố;
 - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố;
 - Chi cục Thống kê thành phố;
 - Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố;
 - Bệnh viện Đa khoa thành phố thành phố;
 - Trung tâm Y tế thành phố thành phố;
- ### 1.5. Các tổ chức hội đặc thù thành phố.

2. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị các phường mới thành lập

2.1. Đảng ủy, Mặt trận và Đoàn thể chính trị xã hội:

- Đảng ủy xã (Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng ủy);

- Ủy ban MTTQ xã (số lượng, cơ cấu tổ chức Ban Thường trực, các tổ chức thành viên của Mặt trận) và Đoàn thể chính trị - xã hội ở xã (số lượng, cơ cấu tổ chức Ban Thường vụ, Ban Chấp hành của từng tổ chức).

2.2. Chính quyền địa phương xã:

- Hội đồng nhân dân xã (số đại biểu, cơ cấu, tổ chức Hội đồng nhân dân);
- Ủy ban nhân dân xã (số thành viên, cơ cấu, tổ chức Ủy ban nhân dân).

2.3. Đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách:

- Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức xã;
- Số lượng người hoạt động không chuyên trách xã.

3. Phương án bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động... được bố trí sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy; phương án bố trí chức danh lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị của thành phố Thanh Hóa và cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố.

4. Phương án sắp xếp, giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư; đề xuất các chế độ, chính sách đối với trường hợp dôi dư

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính

6. Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt chuẩn

IV. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ, CÔNG SỞ, TÀI SẢN CỦA CƠ QUAN; CHUYỂN ĐỔI GIẤY TỜ TỔ CHỨC, CÔNG DÂN

1. Phương án bố trí, sử dụng trụ sở, công sở, tài sản công.

2. Chuyển đổi giấy tờ cho tổ chức, công dân.

Phần thứ năm

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong triển khai thực hiện.

2. Trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy; bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; sắp xếp, giải quyết đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức, viên chức dôi dư; xây dựng danh mục, vị trí việc làm; thực hiện tinh giản và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bố trí, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các đơn vị hành chính trước khi tiến hành sắp xếp; chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức do thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

II. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

CÁC TÀI LIỆU VÀ PHỤ LỤC KÈM THEO ĐỀ ÁN

1. Các tài liệu, văn bản liên quan đến việc thực hiện trình tự, thủ tục thông qua Đề án như: Biên bản họp nhân dân, báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri; Tờ trình của Ủy ban nhân dân; Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Các văn bản phê duyệt, thuyết minh đồ án quy hoạch đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; quy hoạch vùng huyện Đông Sơn; phê duyệt, thuyết minh chương trình phát triển đô thị, phân loại đô thị Thanh Hóa.

3. Các phụ lục, biểu thống kê diện về tích tự nhiên, dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu; biểu tổng hợp theo các tiêu chuẩn thành lập phường, thành lập thành phố; các biểu, bảng số liệu được cấp có thẩm quyền xác nhận làm cơ sở để xác định tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

4. Bản đồ địa giới hành chính; bản đồ, bản vẽ liên quan đến quy hoạch, chương trình phát triển đô thị, phân loại đô thị; hình ảnh nổi bật thể hiện quá trình xây dựng và phát triển của thành phố Thanh Hóa và huyện Đông Sơn.

5. Phim tư liệu giới thiệu về vị trí, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật của thành phố Thanh Hóa và huyện Đông Sơn.

6. Các phụ lục khác liên quan (nếu có).